

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 302023/HS-ST

Ngày: 17-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lê.

Ông Lý Văn Nùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Triệu Phúc H, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1985, tại HT, DH, Thái Nguyên. Nơi đăng ký thường trú: Xóm MS, xã HT, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Xóm TT, xã MT, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Dao. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn H1 và bà Lê Thị H2. Vợ tên Hoàng Thị M, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019. Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ Nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07-04-2023 đến nay, hiện đang tại ngoại tại xóm TT, xã MT, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nông Thị C, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1960, tại MT, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm TT, xã MT, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 6/10; Dân tộc: Tày. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt

Nam. Con ông Nông Trương V (đã chết) và bà Nông Thị Đ (đã chết). Chồng tên Trương Nam H3 (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 1985 và 1987. Bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ Nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-5-2023 đến nay, hiện đang tại ngoại tại xóm TT, xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Bế Văn Bắc - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trương Văn H4, sinh năm 1985, trú tại: Xóm NN, xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Bà Trương Thị L, sinh năm 1987, trú tại: Xóm KH, xã ND, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Phúc H, sinh năm 1985, quê ở Thái Nguyên đến xóm TT, xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đăng ký tạm trú và cùng gia đình làm ăn sinh sống tại đây. Nông Thị C, sinh năm 1960, trú tại xóm TT, xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng là họ hàng với vợ của H. H có nhu cầu làm nhà nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tiền mua vật liệu. Bà C thương hoàn cảnh gia đình H nên cho H vào lấy gỗ ở khu vực rừng bà C được giao quản lý, sử dụng và không lấy tiền gỗ của H. H xin phép bà C chặt hạ 14 cây để để xẻ lấy gỗ, bà C đồng ý và bảo H chặt thêm cây xẻ đủ cho bà C 50 tấm gỗ để bà C bung vách nhà. Ngày 25/11/2022, H một mình mang máy cưa vào khu vực rừng của bà C để khai thác gỗ. Quá trình khai thác, một số cây H không chú ý chặt nhưng bị ảnh hưởng (gãy cành, gãy ngọn), H gọi điện báo cho bà C và bà C nói cây bị gãy thì cưa xuống để làm củi. Tổng số cây H đã chặt hạ là 43 gốc, phần gỗ xẻ để làm nhà H đã vận chuyển về nhà, còn lại hiện trường là các gốc, cành, ngọn.

Ngày 14-01-2023, Hạt kiểm lâm huyện Nguyên Bình tiến hành khám nghiệm hiện trường, chụp bản ảnh, kiểm kê lâm sản bị khai thác. Kết quả như sau: Tại khu vực rừng sản xuất thuộc lô 45 khoảnh 4, tiểu khu 318 thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01 được Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình giao cho hộ bà Nông Thị C quản lý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số, cấp

ngày có 43 cây gỗ đã bị đốn hạ, hiện trường còn lại các gốc, cành, ngọn có tổng khối lượng là 10,135 m³ gỗ tròn.

Quá trình điều tra, H khai nhận đã thực hiện hành vi khai thác 43 cây gỗ nói trên. Phần thân H đã xẻ thành thanh, tẩm vận chuyển về nhà. Ngoài ra, H xẻ cho bà C một số tấm gỗ để tại rừng và bà C tự vận chuyển về nhà.

Ngày 14-01-2023, Hạt kiểm lâm thu giữ tại nhà của H 53 thanh, tấm gỗ có tổng khối lượng 2,430 m², thu giữ tại nhà bà C 1,187 m³ gỗ tròn.

Ngày 10-3-2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình Quyết định trưng cầu giám định, gửi đến Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, trưng cầu giám định 06 mẫu vật trích lấy từ đại diện 06 nhóm cây gỗ bị khai thác nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 139/CNR-VP ngày 27-3-2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận: 06 mẫu vật gửi giám định là gỗ và có hai chủng loại gỗ khác nhau: Dẻ gai thuộc nhóm gỗ "III" và Vôi thuộc nhóm gỗ " ~ VI". Hai loại gỗ trên không có tên trong danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm do vậy là các loại gỗ thông thường.

Ngày 10-3-2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình yêu cầu định giá tài sản đối với khối lượng gỗ Triệu Phúc H đã khai thác. Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 25-4-2023 của Hội đồng định giá tài sản hình sự huyện Nguyên Bình kết luận: Tổng giá trị của 13,752m³ gỗ thông thường, tại thời điểm định giá là 6.876.000,đ (Sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn).

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có: 13,752m³ gỗ trong đó Hạt kiểm lâm huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đang quản lý, bảo quản 3,617m³; ủy ban nhân dân xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đang quản lý 10,135 m³. 01 máy cưa thu giữ của Triệu Phúc H.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số 23/CT-VKS NB ngày 05-7-2023 của Viện kiểm sát nhân huyện Nguyên Bình truy tố các bị cáo Triệu Phúc H và Nông Thị C về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, sau khi đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Triệu Phúc H và Nông Thị C phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 232;

.....
.....
- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước số gỗ các bị cáo đã khai thác và 01 máy cưa.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường, bản kết luận giám định và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tự bào chữa bổ sung. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo, nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về đánh giá nhân thân, nguyên nhân, động cơ phạm tội. Các bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo,

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Về án phí, cá bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội và mục 6 phần II Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai:

.....
.....
.....
...

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, ý kiến của người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến KH4 nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung:

Tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Phúc H và Nông Thị C thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo khai như sau: Do có nhu cầu làm nhà, sau khi được sự đồng ý của Nông Thị C, H một mình vào khu vực rừng bà C được giao quản lý khai chặt hạ 43 cây gỗ. Xét thấy, lời khai các của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường về địa điểm, số lượng cây gỗ bị chặt hạ, trùng khớp với biên bản kiểm đếm gỗ về khối lượng gỗ đã khai thác. Theo bản đồ trích lục của Hạt kiểm lâm huyện Nguyên Bình, số cây bị cáo H đã khai thác thuộc lô 45 khoảnh 4, tiểu khu 318 thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01. Theo bản kiểm đếm khối lượng tang vật, tổng khối lượng gỗ bị chặt hạ quy đổi ra gỗ tròn là 13,752m³. Theo kết luận giám định số 139/CNR-VP ngày 27-3-2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận: 06 mẫu vật gửi giám định là gỗ và có hai chủng loại gỗ khác nhau: Dẻ gai thuộc nhóm gỗ "III" và Vối thuộc nhóm gỗ " ~ VI". Hai loại gỗ trên không có tên trong danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm do vậy là các loại gỗ thông thường.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

" Điều 232. Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000

đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình truy tố các bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, sinh sống ở nơi điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo biết khai thác gỗ khi chưa được Nhà nước cấp phép là vi phạm pháp luật nhưng không biết hậu quả pháp lý phải gánh chịu khi thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, xâm phạm tài nguyên rừng, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững, ổn định của môi trường, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị ở địa phương. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi của các bị cáo để giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với hành vi khai thác rừng trái phép.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã chủ động trồng lại cây trên diện tích rừng khai thác để khắc phục một phần hậu quả, chồng của bị cáo C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Quyết định hình phạt

Hình phạt chính: Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, bị cáo H có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo C có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của bộ luật Hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội mà

tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo, tu dưỡng tại địa phương sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thuộc hộ nghèo, không có khả năng thi hành hình phạt tiền bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 13,752m³ gỗ các bị cáo đã khai thác.

[6] Các vấn đề khác:

[7] Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nông Thị C và Triệu Phúc H phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Triệu Phúc H 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nông Thị C 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban ban nhân dân xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã MT trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù, phạm tội mới thì phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước: 13,752m³ gỗ trong đó Hạt kiểm lâm huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đang quản lý, bảo quản 3,617m³ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 12-7-2023; ủy ban nhân dân xã MT, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đang quản lý 10,135 m³ theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 14/12/2022.

Tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 01 máy cưa.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn án phí cho các bị cáo Triệu Phúc H và Nông Thị C.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã MT;
- Lưu HS;
- Lưu AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mã Nguyệt Thu

